TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TN** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/DS-ST
Ngày: 26-10-2021
V/v Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tới;

2. Ông Trần Tấn Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Khánh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2021/TLST-DS ngy 07/01/2021 về việc *"Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2021/QĐST- DS ngày 14 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021; Thông báo hoãn phiên tòa số 526A/TB-TA ngày 23 tháng 7 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 752/2021/TB-TA ngày 08 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1959; Địa chỉ cư trú: Số 19A, Hẻm 10, Đường L, khu phố HH, phường HTH, thị xã HTH, tỉnh TN. (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1963; Địa chỉ cư trú: Số 1309, Đường C, khu phố NP, phường NT, thành phố TN, tỉnh TN (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – Ông Nguyễn Ngọc B trình bày:

Trước đây khoảng đầu năm 2017 ông B có cho ông L vay số tiền 300.000.000 đồng nhưng đến 29-4-2017 ông L mới làm giấy mượn tiền cho ông B, nội dung

giấy mượn tiền do ông L tự viết tay, ký tên và ghi họ tên người mượn. Trong giấy mượn tiền có ghi tên 4 Bạch là tên của ông – Nguyễn Ngọc B. Mục đích ông L vay tiền để làm ăn. Ông B đã giao tiền cho ông L đủ, ông L nhận tiền đủ nên viết giấy nợ cho ông B. Các bên có thỏa thuận lãi suất miệng là 2%/ tháng, trả tiền lãi mỗi tháng, ông L có trả cho ông B được khoảng 15 tháng tiền lãi, tổng số tiền lãi khoảng 90.000.000 đồng, ông B không nhớ chính xác do không có giấy tờ. Từ khoảng giữa năm 2019 đến nay ông L không trả cho ông B được khoản tiền lãi nào.

Khi vay, các bên chỉ thỏa thuận miệng là khi nào ông B cần tiền thì báo trước cho ông L một tháng để ông L trả nợ. Khoảng tháng 7-2017 ông B bị tai biến cần tiền điều trị có yêu cầu ông L trả trước một phần nhưng ông L chỉ đóng lãi, không trả ông B được khoản tiền gốc nào. Sau đó, ông L không đóng lãi tiếp ông B cũng có yêu cầu ông L trả bớt tiền nhưng ông L không trả tiền và cũng không đóng lãi cho ông B đến nay. Hiện nay khi ông B gọi cho ông L thì ông L không nhận cuộc gọi của ông B.

Nay ông B yêu cầu ông L trả số tiền 300.000.000 đồng, ông B không yêu cầu tính lãi.

Đối với số tiền lãi ông đã thu của ông L: Tuy số tiền lãi đã thu này không vượt quá mức lãi suất theo quy định pháp luật (tính từ ngày vay đến nay) nhưng ông không yêu cầu tính lãi của số tiền 300.000.000 đồng từ ngày ngưng đóng lãi cho đến nay. Ông B xác định chỉ yêu cầu ông L trả lại số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Nguyễn Thanh L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không trình bày ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phát biểu quan điểm về vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự và chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Ngọc B đối với Ông Nguyễn Thanh L về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản". Buộc Ông Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ trả cho Ông Nguyễn Ngọc B số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, ghi nhận ông L không yêu cầu tính lãi.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng, Ông Nguyễn Thanh L phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Ngọc B có yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" với Ông Nguyễn Thanh L có địa chỉ tại số 1309, Đường C, khu phố NP, phường NT, thành phố TN, tỉnh TN, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn Ông Nguyễn Thanh L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng bị đơn là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Ông B khởi kiện yêu cầu ông L trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông B cung cấp chứng cứ là bản chính tờ giấy có nội dung: Hôm nay ngày 29/4/2017 Tôi tên: Nguyễn Thanh L có mượn của anh 4 Bạch 300.000.000 (Ba trăm triệu), mục người mượn có ký và ghi họ tên Nguyễn Thanh L (Bút lục số 18)

Quá trình giải quyết vụ án, ông L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

Tại Kết luận giám định số 2363/C09B ngày 27/5/2021 (Bút lục số 45) của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký đứng tên Nguyễn Thanh L, chữ viết có nội dung: "Hôm nay ngày 29/4/17 Tôi tên: Nguyễn Thanh L có mượn của anh 4 Bạch 300.000.000 (Ba trăm triệu) – Người mượn – Chữ ký - Nguyễn Thanh L" (ký hiệu A) so với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thanh L trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M15 là do cùng một người viết và ký ra.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông L vay số tiền 300.000.000 đồng của ông B là có thật và giao dịch giữa các bên là tự nguyện. Ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của ông B. Do đó, ông B khởi kiện yêu cầu ông L trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về tiền lãi:

Quá trình giải quyết vụ án ông B trình bày đã nhận của ông L 90.000.000 đồng tiền lãi. Xét thấy số tiền lãi ông B đã thu của ông L không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Đồng thời, ông L chỉ yêu cầu ông B trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng:

Do yêu cầu trưng cầu giám định của ông B là có cơ sở và được chấp nhận nên ông L phải chịu chi phí giám định tổng số tiền là 5.000.000 đồng. Ghi nhận ông B đã nộp tạm ứng đủ số tiền chi phí giám định là 5.000.000 đồng nên ông L có nghĩa vụ trả lại cho cho ông B số tiền 5.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B nên ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Ngọc B đối với Ông Nguyễn Thanh L về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản".

Buộc Ông Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ trả cho Ông Nguyễn Ngọc B số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)*, ghi nhận ông B không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Thanh L phải chịu chi phí giám định số tiền tổng cộng là 5.000.000 đồng. Ghi nhận ông B đã nộp tạm ứng đủ số tiền chi phí giám định là 5.000.000 đồng nên ông L có nghĩa vụ trả lại cho cho ông B số tiền 5.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)*.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHATPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Đặng Thị Ngọc Dung